

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG NHẬT 1

Số tín chỉ : 2

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Khối ngành không chuyên

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Khối ngành không chuyên

- Tên học phần:** Tiếng Nhật 1
- Mã học phần:** TNHAT 001
- Số tín chỉ:** 2 (2, 0)
- Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ 1
- Phân bổ thời gian**
 - Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành
 - Tự học: 60 giờ
- Điều kiện tiên quyết:** Không
- Giảng viên**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Đặng Thị Thanh	08333.08338	dtthanh@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Chữ viết (nhập môn Kana): Bảng chữ Hiragana và Katakana, các ghép âm, âm ngắt, trường âm.
- Ngữ pháp: Thể khẳng định, phủ định, nghi vấn của -desu; trợ từ -wa, -mo, -no; các đại từ chỉ định.
- Từ vựng: Các cụm từ chào hỏi, làm quen, giới thiệu bản thân, danh từ chỉ nghề nghiệp, quốc tịch, đồ vật, số đếm.
- Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề chào hỏi, làm quen, giới thiệu bản thân, nghề nghiệp, quốc tịch, tuổi tác, cách nói sở hữu, giá cả, nguồn gốc hàng hóa, vị trí đồ vật.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Trình bày kiến thức cơ bản về bảng chữ Hiragana và Katakana, các ghép âm, âm ngắt, trường âm.	1	[1.2.1.1b]
MT1.2	Nắm được các hiện tượng ngữ pháp cơ bản: Thể khẳng định, phủ định, nghi vấn của -desu; trợ từ -wa, -mo, -no; các đại từ chỉ định.	1	[1.2.1.1b]
MT1.3	Trình bày kiến thức cơ bản về: - Từ vựng, cấu trúc câu giao tiếp đơn giản để chào hỏi, làm quen, giới thiệu bản thân, danh từ chỉ nghề nghiệp, quốc tịch, đồ vật, số đếm.	1	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	- Đọc và viết hai bảng chữ Hiragana, Katakana theo đúng thứ tự các nét, phát âm đúng các âm ngắt, âm ghép, trường âm.	3	[1.2.2.3]
MT2.2	- Nâng cao kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về chủ điểm: Chào hỏi, giới thiệu bản thân, vị trí, xuất xứ, giá cả của hàng hóa, đồ dùng.	3	[1.2.2.3]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[1.2.3.1]
MT3.2	- Tuân thủ các quy tắc giao tiếp và tôn trọng nền văn hóa bản địa và văn hóa Nhật Bản.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Phân biệt được chữ Hiragana và Katakana, Nhận biết được các âm ghép, âm ngắt, trường âm.	3	[1.3]
CDR1.2	Nắm được các hiện tượng ngữ pháp cơ bản: Thẻ khẳng định, phủ định, nghi vấn của -desu; trợ từ -wa, -mo, -no; các đại từ chỉ định; Từ vựng, cấu trúc câu giao tiếp đơn giản để chào hỏi, làm quen, giới thiệu bản thân, danh từ chỉ nghề nghiệp, quốc tịch, đồ vật, số đếm.	3	[1.3]
CDR2	Kĩ năng		
CDR2.1	Đọc và viết đúng chữ Hiragana và Katakana; Phát âm đúng âm ghép, âm ngắt, trường âm.	3	[2.8]
CDR2.2	Giới thiệu rõ ràng thông tin về bản thân và đối tượng giao tiếp; Nghe, nói, đọc, viết tìm hiểu các thông tin cá nhân như tên tuổi, nơi sinh, quê quán, quốc tịch, nghề nghiệp, nơi làm việc, giới thiệu vị trí, địa điểm, nơi chôn, xuất xứ, giá cả của hàng hóa, đồ dùng..	3	[2.8]
CDR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CDR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	4	[3.1]
CDR3.2	Có khả năng giao tiếp, truyền đạt các thông tin cơ bản trước lớp.	4	[3.1]
CDR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CDR1		CDR2		CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
1	はじめに I. 日本語の発音 1. ひらがな 2. カタカナ II. 教室の言葉 III. 毎日のあいさつと会話表現 IV. 数学	X	X		X	X		X
2	第1課：はじめまして 1.1 語彙 1.2 文法・句型	X	X		X	X		X

	+ 練習A + 練習 B 1.3 活動 + 会話 + 練習 C 1.4 聴解 + 問題 1.5 復習 + 問題							
3	第2課：これからお世話になります 2.1 語彙 2.2 文法・句型 + 練習A + 練習 B 2.3 活動 + 会話 + 練習 C 2.4 聴解 + 問題 2.5 復習 + 問題	X	X	X	X	X		X
4	第3課：これをください 3.1 語彙 3.2 文法・句型 + 練習 A + 練習 B 3.3 活動 + 会話 + 練習 C 3.4 聴解 + 問題 3.5 復習 + 問題	X	X	X	X	X		X

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên
CDR2	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần
CDR3	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
-----	-----------------	----------	----------	---------

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần bài tập; điểm chuyên cần	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần; vấn đáp.
- Kiểm tra giữa học phần: Vấn đáp
- Thi kết thúc học phần: Tự luận (01 bài thi, thời gian làm bài: 90 phút).

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Từ điển, giáo trình, vở ghi, bút.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu bắt buộc:

[1] - Nihongo no kakikata no hon (2017), *Tập viết tiếng Nhật thông dụng*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

[2] - Mina no nihongo (2019), *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Bản tiếng Nhật*, Nhà xuất bản trẻ.

[3] - Minna no nihongo (2019), *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Bản tiếng Việt*, Nhà xuất bản trẻ.

- Tài liệu tham khảo:

[4] - Mina no nihongo (2019), *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Tổng hợp các bài tập theo chủ điểm*, Nhà xuất bản trẻ.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
1	I. ひらがな (Chữ Hiragana) Mục tiêu bài:	4 (4 LT, 0 TH)	Thuyết trình, giảng giải, phát vấn - Giảng viên:	CĐR1.1; CĐR1.2; CĐR2.1;

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	<p>- Trình bày bảng chữ Hiragana; - Nhận biết chữ Hiragana, cách ghép âm, cách đọc âm ngắt, âm ghép, trường âm, cách viết các chữ. Nội dung cụ thể: 1. Bảng chữ Hiragana 2. Âm ngắt, âm ghép, trường âm</p>		<p>+ Giải thích các âm và hàng chữ Hiragana; + Giảng giải cách viết và thứ tự các nét; + Hướng dẫn sinh viên tập phát âm; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm; + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Nghe, quan sát, ghi chép; + Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra; + Luyện đọc, viết, cách ghép âm, tập đánh vần từ vựng chữ Hiragana tài liệu [1] phần 1.</p>	<p>CDR2.2; CDR3.1; CDR3.2; CDR3.3; CDR3.4.</p>
2	<p>II. カタカナ (Chữ katakana) Mục tiêu bài: - Trình bày bảng chữ Katakana; - Nhận biết các chữ Katakana, cách ghép âm, cách đọc âm ngắt, âm ghép, trường âm, cách viết các chữ. Nội dung cụ thể: 1. Bảng chữ Katakana 2. Âm ngắt, âm ghép, trường âm</p>	<p>4 (4 LT, 0 TH)</p>	<p>Thuyết trình, giảng giải, phát vấn - Giảng viên: + Giải thích các âm và hàng chữ Katakana; + Giảng giải cách viết và thứ tự các nét; + Luyện phát âm; + Phân biệt các chữ Hiragana và Katakana có nét tương đồng; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm; + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Nghe, quan sát, ghi chép; + Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra; + Luyện đọc, viết, cách ghép âm, tập đánh vần từ vựng chữ Katakana tài liệu [1] phần 2.</p>	<p>CDR1.1; CDR1.2; CDR2.1; CDR2.2; CDR3.1; CDR3.2; CDR3.3; CDR3.4.</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
3	<p>III. 挨拶と数学 (Chào hỏi và số đếm)</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày câu chào, số đếm; - Hội thoại chào hỏi. <p>Nội dung cụ thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. 挨拶 2. 数学 	2 (2 LT, 0 TH)	<p>Thuyết trình, phát vấn, tổ chức học theo nhóm</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giảng giải ý nghĩa, trường hợp sử dụng câu chào hỏi, cách thức chào hỏi của người Nhật; + Trình bày số đếm, cách ghép và đọc số đếm; + Giao bài tập luyện chào hỏi và đọc số cho sinh viên; + Nhận xét, đánh giá. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghe, quan sát, ghi chép; + Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra; + Đọc trước tài liệu [2] trang 5, tài liệu [3] trang 7; + Hội thoại chào hỏi; + Học thuộc các số đếm; + Luyện nghe, đọc, viết số. 	CDR1.1; CDR1.2; CDR1.3; CDR2.1; CDR2.2; CDR3.1; CDR3.2; CDR3.3; CDR3.4.
4	<p>第1課 : はじめまして (Rất vui được làm quen với chị)</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày từ vựng chỉ nghề nghiệp, tên quốc gia, quốc tịch; - Hiểu mẫu câu giới thiệu nghề nghiệp, quê quán, quốc tịch, tuổi tác; - Nghe, nói, đọc, viết chào hỏi, giới thiệu bản thân. <p>- Nội dung cụ thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. 1. 語彙 1. 2. 文法・句型 <ul style="list-style-type: none"> + 練習A + 練習 B 	8 (6 LT, 0 TH, 2 KT)	<p>Thuyết trình; giảng giải; phát vấn; tổ chức học nhóm</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích từ vựng, cấu trúc; + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm; + Ôn tập củng cố nội dung từ bài 1 tài liệu [2]; + Hướng dẫn kiểm tra giữa học phần. <p>- Sinh viên</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước từ vựng, giải thích mẫu câu trang 10 - 15 tài liệu [3]; + Nghe, quan sát, ghi chép; 	CDR1.1; CDR1.2; CDR1.3; CDR1.4; CDR2.1; CDR2.2; CDR2.3; CDR2.4; CDR3.1; CDR3.2; CDR3.3; CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	1. 3. 活動 + 会話 + 練習 C 1. 4. 問題 + 聴解 + 復習 Kiểm tra giữa học phần		+ Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra; + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trang 6 - 13 tài liệu [2]; + Làm bài tập bài học 1 tài liệu [4]; + Thiết lập đoạn hội thoại chào hỏi, làm quen; + Làm bài kiểm tra giữa học phần.	
5	第 2 課 : これからお世話になります (Từ nay rất mong được sự giúp đỡ của anh) Mục tiêu bài: - Trình bày danh từ chỉ đồ vật; - Hiểu mẫu câu giới thiệu đồ vật dùng các đại từ chỉ định, cấu trúc câu hỏi xác nhận và câu hỏi lựa chọn, các nghi vấn từ và trợ từ biểu thị sự sở hữu; - Nghe, nói, đọc, viết giới thiệu đồ vật và cấu trúc câu biểu thị sự sở hữu. Nội dung cụ thể: 2. 1. 語彙 2. 2. 文法・句型 + 練習 A + 練習 B 2. 3. 活動 + 会話 + 練習 C 2. 4. 問題 + 聴解 + 復習	6 (6 LT, 0 TH)	Thuyết trình; giảng giải; phát vấn; tổ chức học nhóm - Giảng viên: + Giải thích từ vựng, cấu trúc sử dụng trong bài học; + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước từ vựng chỉ đồ vật, giải thích mẫu câu trang 16 - 21 tài liệu [3]; + Nghe, quan sát, ghi chép; + Giải quyết vấn đề; + Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm trang 14 - 21 tài liệu [2]; + Làm bài tập bài học 2 tài liệu [4]; + Thiết lập đoạn hội thoại hỏi thăm đồ vật và chủ sở hữu.	CDR1.1; CDR1.2; CDR1.3; CDR1.4; CDR1.5; CDR2.1; CDR2.2; CDR2.3; CDR2.4; CDR3.1; CDR3.2; CDR3.3; CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
6	<p>第3課：これをください (Chỉ cho tôi chai này) Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày từ vựng chỉ địa điểm, nơi chốn; - Hiểu mẫu câu sử dụng các đại từ chỉ vị trí, cấu trúc câu về xuất xứ, giá cả đồ vật; - Nghe, nói, đọc, viết về địa điểm, nơi chốn, xuất xứ, giá cả đồ vật, hàng hóa. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>3. 1. 語彙</p> <p>3. 2. 文法・句型</p> <ul style="list-style-type: none"> + 練習 A + 練習 B <p>3. 3. 活動</p> <ul style="list-style-type: none"> + 会話 + 練習 C <p>3. 4. 問題</p> <ul style="list-style-type: none"> + 聴解 + 復習 	6 (6 LT, 0 TH)	<p>Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, phát vấn, đặt vấn đề</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích từ vựng, cấu trúc sử dụng trong bài học; + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước từ vựng, giải thích mẫu câu trang 22 - 27 tài liệu [3]; + Nghe, quan sát, ghi chép; + Giải quyết vấn đề; + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trang 22 - 29 tài liệu [2]; + Làm bài tập bài học 3 tài liệu [4]; + Thiết lập đoạn hội thoại hỏi thăm giá cả, xuất xứ hàng hóa. 	CDR1.1; CDR1.2; CDR1.3; CDR1.4; CDR1.5; CDR2.1; CDR2.2; CDR2.3; CDR2.4; CDR2.5; CDR3.1; CDR3.2; CDR3.3; CDR3.4.

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Đăng Tiến

TRƯỞNG BỘ MÔN

Trịnh Thị Chuyên